TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2023/HNST
Ngày 05-06-2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Hảo
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải
Bà Ngô Thị Thúy Hảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ngày 05 tháng 06 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 75/2023/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25-05-2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1985– Địa chỉ: Số E B, phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1985 – Địa chỉ: Số D B, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:

Chị và anh Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu, sau đó tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Giấy chứng nhận kết hôn số 216 ngày 28-12-2012). Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không có trách nhiệm với gia đình, không đưa tiền cho vợ để nuôi con, chăm lo cho gia đình. Đối xử với vợ con không yêu

thương, tôn trọng nên anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay không còn quan hệ tình cảm vợ chồng. Sau khi ly thân, chị L về nhà cha mẹ sinh sống, anh T thuê nhà khác tiếp tục kinh doanh. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị L xác định vợ chồng chị có một con chung Trần Quốc V, sinh ngày 07-04-2013. Hiện tại anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng con, chị L yêu cầu anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị L không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp pháp các văn bản theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đối với bị đơn anh Trần Văn T, để anh T thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Anh T đã viết bản tự khai gửi đến Tòa án thể hiện nội dung anh đồng ý ly hôn với chị L; anh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Quốc V; anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời anh T đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Do các đương sự không tranh chấp những vấn đề về nội dung vụ án, nên Tòa án xét xử vụ án không có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; xác định vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

[2]. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với các đương sự, các đương sự đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân của chị L và anh T là hợp pháp, đúng qui định pháp luật. Quá trình chung sống, giữa chị L và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên không còn quan hệ tình cảm vợ chồng từ cuối năm 2021 đến nay. Chị L và anh T cùng đồng ý ly hôn, anh T tự nguyện nuôi dưỡng con chung Trần Quốc V và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị L và anh T như chị L trình bày là đúng sự thật, có đầy đủ căn cứ xác định hôn nhân của chị L và anh T

đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; yêu cầu xin ly hôn của chị L có căn cứ pháp luật, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh T.

[4]. Về con chung: Chị L xác định vợ chồng chị có một con chung Trần Quốc V, sinh ngày 07-04-2013. Hiện nay anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng con, anh T yêu cầu được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Xét anh T yêu cầu được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung phù hợp với nguyện vọng của con mong muốn được sống cùng cha và chị L cũng đồng ý, nên Hội đồng xét xử quyết định: Anh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Trần Quốc V, chị L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu xem xét, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị L đồng ý nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị L về việc ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L được quyền ly hôn với anh Trần Văn T.

3. Về con chung: Chị Bùi Thị L và anh Trần Văn T có một con chung Trần Quốc V, sinh ngày 07-04-2013.

- Anh Trần Văn T có quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Trần Quốc V.

- Chị Bùi Thị L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Chị Bùi Thị L có quyền và nghĩa vụ đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được cản trở chị L thực hiện quyền và nghĩa vụ này.

- Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thị L và anh Trần Văn T không yêu cầu xem xét, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003852 ngày 21-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Chị L đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Thanh Hảo

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự TP. Vũng Tàu;
- UBND phường Rạch Dừa, TP.Vũng Tàu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.